

Số: 1559BC-UBND

Phong Thỏ, ngày 09 tháng 7 năm 2021

BÁO CÁO

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương quý II năm 2021

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 1762/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện khoá XX, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 17/12/2020 về Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2021;

Trên cơ sở kết quả thực hiện thu, chi NSDP Quý II năm 2021. Ủy ban nhân dân huyện báo cáo công khai và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương Quý II năm 2021 như sau:

I. Tình hình thực hiện dự toán thu, chi NSDP quý II năm 2021:

1. Về thu ngân sách

Tổng thu ngân sách thực hiện 6 tháng đầu năm 463.132 triệu đồng, đạt 72,33 % so với dự toán tỉnh giao, đạt 71,06 % so với dự toán HĐND huyện giao, bằng 64,24% so với cùng kỳ năm 2020. (Trong đó: ngân sách huyện hưởng là 460.289 triệu đồng).

1.1. Thu trên địa bàn

Tổng số thu 6 tháng đầu năm thực hiện 28.323 triệu đồng, đạt 76,14% so với dự toán tỉnh giao, đạt 58,15% so với dự toán HĐND huyện giao, tăng 55,24% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó:

Thu ngân sách huyện hưởng: 25.480 triệu đồng, đạt 75,83% so với dự toán tỉnh giao, đạt 61,01% so với dự toán HĐND huyện giao, tăng 47,95% so với cùng kỳ năm 2020.

Bao gồm các sắc thuế sau:

- Thuế ngoài quốc doanh: 14.918 triệu đồng, đạt 78,15% so với dự toán HĐND huyện giao, tăng 66,92% so với cùng kỳ năm 2020.

- Lệ phí trước bạ: 2.515 triệu đồng, đạt 71,86% so với dự toán HĐND huyện giao, bằng 59,88% so với cùng kỳ năm 2020.

- Thuế thu nhập cá nhân: 952 triệu đồng, đạt 79,33% so với dự toán HĐND huyện giao, bằng 97,14% so với cùng kỳ năm 2020.

- Phí, lệ phí: 814 triệu đồng, đạt 58,14% so với dự toán HĐND huyện giao, tăng 7,39% so với cùng kỳ năm 2020.

- Thu tiền sử dụng đất: 6.649 triệu đồng, đạt 34,73% so với dự toán HĐND huyện giao, tăng 673,14% so với cùng kỳ năm 2020. (Trong đó: Ngân sách tỉnh hưởng 1.995 triệu đồng, ngân sách huyện hưởng 4.654 triệu đồng).

- Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: 545 triệu đồng, đạt 41,92% so với dự toán HĐND huyện giao, bằng 97,32% so với cùng kỳ năm 2020.

- Thu khác ngân sách: 1.930 triệu đồng, đạt 62,74% so với dự toán HĐND huyện giao, bằng 98,97% so với cùng kỳ năm 2020.

1.2. Thu trợ cấp từ ngân sách cấp trên 313.083 triệu đồng, đạt 51,91% so với dự toán tỉnh và HĐND huyện giao.

+ Thu từ nguồn bổ sung cân đối ngân sách: 242.306 triệu đồng.

+ Thu từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 70.777 triệu đồng.

1.3. Thu chuyển nguồn từ năm 2020 chuyển sang là: 115.030 triệu đồng.

1.4. Thu nguồn kết dư ngân sách năm 2020: 6.696 triệu đồng.

2. Về chi ngân sách.

Tổng chi ngân sách ước thực hiện 385.137 triệu đồng, đạt 50,2% so với dự toán HĐND huyện giao.

Cụ thể như sau:

2.1. Chi trong cân đối ngân sách thực hiện 327.317 triệu đồng, đạt 51% so với dự toán HĐND huyện giao. Trong đó:

*** Chi đầu tư phát triển: 25.057 triệu đồng đạt 62% so với dự toán HĐND huyện giao.**

*** Chi thường xuyên: 300.434 triệu đồng đạt 50,5% so với dự toán HĐND huyện giao. Trong đó:**

- Chi sự nghiệp kinh tế: 38.886 triệu đồng, đạt 53,1% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Chi sự nghiệp giáo dục & đào tạo: 177.821 triệu đồng, đạt 48,2% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Chi sự nghiệp văn hóa: 1.547 triệu đồng, đạt 50,4% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Chi sự nghiệp thể thao: 258 triệu đồng, đạt 31% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Chi sự nghiệp Truyền thanh - Truyền hình: 1.247 triệu đồng, đạt 39,4% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Chi đảm bảo xã hội: 7.147 triệu đồng, đạt 63,8% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Chi quản lý nhà nước: 62.378 triệu đồng, đạt 55% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Chi Quốc phòng - an ninh: 8.750 triệu đồng, đạt 52,6% so với dự toán HĐND huyện giao.

- Chi khác ngân sách: 2.400 triệu đồng, đạt 63,2% so với dự toán HĐND huyện giao, bao gồm các khoản chi như: Hỗ trợ hộ nghèo vay vốn, hỗ trợ quỹ cho hội nông dân, hỗ trợ ban chỉ đạo chống thất thu, kinh phí thi đua khen thưởng, hỗ trợ học sinh trường Dân tộc nội trú tổ chức tết dân tộc và chi hoạt động công tác tôn giáo.

*** Chi từ nguồn dự phòng ngân sách huyện: 1.826 triệu đồng, đạt 25,9% dự toán HĐND huyện giao.**

- Thực hiện chi các nhiệm vụ phát sinh: Chi mua vật chất đảm bảo ăn, nghỉ cho công dân về khu cách ly tập trung tại Trung tâm giáo dục thường xuyên hướng nghiệp và dạy nghề huyện: 87 triệu đồng; Chi trồng cây ngày 19/5/2021 trên địa bàn huyện: 199 triệu đồng; Chi thực hiện tiêm phòng Vắc xin cho gia súc gia cầm: 823 triệu đồng; Chi thực hiện mua hóa chất tiêu độc, khử trùng môi trường: 459 triệu đồng. Chi thực hiện mua Vắc xin viêm da nổi cục thực hiện tiêm phòng cho trâu, bò trên địa bàn huyện: 23 triệu đồng; Chi hỗ trợ tiền trực chốt, vật dụng phòng chống dịch Covid - 19 và các nhiệm vụ phát sinh khác tại các xã: 235 triệu đồng.

2.2. Chi các chương trình có mục tiêu ước thực hiện: 1.478 triệu đồng, đạt 51,9% so với dự toán HĐND huyện giao.

2.3. Chi từ nguồn chuyển nguồn năm 2020 chuyển sang: 56.342 triệu đồng, đạt 48,98% dự toán HĐND huyện giao.

Các khoản chi chủ yếu là các khoản chi lương cho cán bộ, công chức, viên chức và chế độ cho học sinh, các khoản chi đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn huyện.

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm)

II. Đánh giá chung tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện quý II năm 2021.

1. Về thu ngân sách:

UBND huyện đã tăng cường chỉ đạo và giao cho các cơ quan thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm kết quả đạt 76,14% so với dự toán tỉnh giao, đạt 58,15% so với dự toán HĐND huyện giao và tăng 55,24% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó UBND huyện chỉ đạo tập trung vào triển khai một số nhiệm vụ chủ yếu như triển khai quyết liệt nhiệm vụ thu ngân sách, đôn đốc thu hồi nợ đọng thuế; các sắc thuế cơ bản đạt cao so với dự toán cấp trên giao, trong đó thuế ngoài quốc doanh chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

2. Về chi ngân sách: Việc điều hành chi ngân sách địa phương quý II thực hiện theo nguyên tắc chặt chẽ, triệt để tiết kiệm, hiệu quả, đã làm tốt công tác rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi đảm bảo thực hiện đầy đủ chế độ chính sách, đúng tiêu chuẩn định mức được HĐND huyện giao.

Hầu hết các phòng, ban, ngành đoàn thể thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn đã thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí nhất là các khoản chi thường xuyên như: Điện, nước, văn phòng phẩm, hội nghị, lễ hội ...

Trên đây là Báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương quý II năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ./. *pm*

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Hương Chế Mân

**BIỂU CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

(Kèm theo Báo cáo số: 1559/BC-UBND ngày 09/7/2021 của UBND huyện Phong Thổ)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán thu tỉnh giao	Dự toán thu huyện giao	Thu 6 tháng đầu năm 2021	So sánh (%)		Ghi chú
					Ước TH 6 tháng/tỉnh giao	Ước TH 6 tháng /HĐND giao	
A	B	1	2	3	6	7	11
	TỔNG CỘNG	640.283	651.792	463.132	72,33	71,06	
	<i>Trong đó: Ngân sách huyện hưởng (I.I+II+III+IV)</i>	636.683	644.849	460.289	72,29	71,38	
I	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	37.200	48.709	28.323	76,14	58,15	
I.1	Trong đó: Ngân sách huyện hưởng	33.600	41.766	25.480	75,83	61,01	
*	Ngân sách huyện hưởng khi loại trừ thu tiền sử dụng đất	28.000	28.366	20.826	74,38	73,42	
1	Thuế ngoài quốc doanh	19.000	19.090	14.918	78,52	78,15	
2	Lệ phí trước bạ	3.500	3.500	2.515	71,86	71,86	
3	Thuế thu nhập cá nhân	1.200	1.200	952	79,33	79,33	
4	Phí, lệ phí	1.200	1.400	814	67,83	58,14	
	- Phí, lệ phí trung ương hưởng	200	200	38	19,00	19,00	
	- Phí, lệ phí địa phương	1.000	1.200	776	77,60	64,67	
5	Thu tiền sử dụng đất	8.000	19.143	6.649	83,11	34,73	
	- Ngân sách tỉnh hưởng	2.400	5.743	1.995	83,13	34,74	
	- Ngân sách huyện hưởng	5.600	13.400	4.654	83,11	34,73	
6	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	1.300	1.300	545	41,92	41,92	
7	Thu khác ngân sách	3.000	3.076	1.930	64,33	62,74	
	- Ngân sách TW hưởng			660			
	- Ngân sách tỉnh hưởng	1.000	1.000	150	15,00	15,00	
	- Ngân sách địa phương hưởng	2.000	2.076	1.120	56,00	53,95	
II	THU BỔ SUNG TỪ NS CẤP TRÊN	603.083	603.083	313.083	51,91	51,91	
1	Thu bổ sung cân đối	532.306	532.306	242.306	45,52	45,52	
2	Thu bổ sung có mục tiêu, MTQG	70.777	70.777	70.777	100,00	100,00	
III	THU CHUYỂN NGUỒN			115.030			
IV	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH			6.696			

BIỂU BÁO CÁO CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NSDP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 1559/BC-UBND ngày 09/7/2021 của UBND huyện Phong Thổ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán HĐND huyện giao	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Ước TH 6 tháng so với Dự toán HĐND huyện giao (%)	Ghi chú
1	2	3	4	7=4/3	10
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	766.575	385.137	50,2	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	642.003	327.317	51,0	
I	Chi Đầu tư phát triển	40.421	25.057	62,0	
1	Chi XDCB tập trung	27.021	23.080	85,4	
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	13.400	1.977	14,8	
2.1	Chi đầu tư	11.700	806	6,9	
2.2	Chi thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập kế hoạch sử dụng đất và công tác kiểm kê đất đai; điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất hàng năm; Cấm mốc phạm vi thu hồi đất khu trung tâm thị trấn huyện Phong Thổ	1.700	1.171	68,9	
II	Chi thường xuyên và chương trình có mục tiêu	594.545	300.434	50,5	
1	Sự nghiệp kinh tế	73.275	38.886	53,1	
1.1	Chi thường xuyên theo định mức	22.894	12.632	55,2	
	Trong đó:				
-	Kinh phí mô hình khuyến nông	500	479	95,8	Trung tâm DVNN
-	Kinh phí hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo QĐ 29/2016/QĐ-UBND	3.993	2.173	54,4	Phòng NN&PTNT
-	Sự nghiệp Giao thông	5.000	3.350	67,0	Phòng Kinh tế & Hạ tầng
+	Duy tu, sửa chữa tuyến đường Nậm Cáy - Mù Sang - Sin Cai (xã Ma Li Pho, Mù Sang, Đào San).	900	550	61,1	
+	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường trung tâm xã Sin Suối Hồ đi bản Sin Suối Hồ	900	550	61,1	
+	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường vào bản Can Thành xã Huổi Luông	950	550	57,9	
+	Duy tu, sửa chữa tuyến đường Ngã 3 Hang É đi xã Mỏ Sắt San (xã Pa Váy Sắt, xã Mỏ Sắt San)	490	290	59,2	
+	Duy tu, sửa chữa, nâng cấp tuyến đường trung tâm xã Mù Sang - bản Lũng Than xã Mù Sang	450	450	100,0	
+	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường GTNT vào bản Can Hồ xã Sin Suối Hồ	900	550	61,1	
+	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường bản Van Hồ 1 đi bản Van Hồ 2 xã Nậm Xe	410	410	100,0	
-	Sự nghiệp Thủy lợi	5.000	2.500	50,0	Phòng NN&PTNT
+	Sửa chữa, nâng cấp NSH bản Huổi Luông III xã Huổi Luông	1.100	550	50,0	
+	Sửa chữa, nâng cấp NSH bản Sin Chải xã Hoàng Thèn	1.200	600	50,0	
+	Sửa chữa, nâng cấp NSH bản Sàng Mả Pho xã Sin Suối Hồ	890	445	50,0	
+	Sửa chữa, nâng cấp NSH bản Dề Sung xã Sin Suối Hồ	820	410	50,0	
+	Sửa chữa thủy lợi trung tâm xã Sin Suối Hồ	990	495	50,0	
-	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	3.000	1.618	53,9	Phòng TN&MT
-	Kinh phí trồng, chăm sóc, cắt tỉa cây xanh	1.000	416	41,6	Phòng Kinh tế & Hạ tầng
-	Kinh phí điện chiếu sáng	500	273	54,6	UBND Thị Trấn
1.2	Sự nghiệp kinh tế khác	30.386	16.103	53,0	
-	Kinh phí thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2020 theo Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND	7.000	3.000	42,9	Ban QLDA
-	Hỗ trợ kinh phí duy tu, bảo dưỡng, phát quang thông tầm nhìn đường tuần tra biên giới	932	-	-	Ban chỉ huy quân sự
-	Hỗ trợ kinh phí quản lý, bảo trì các tuyến đường tuần tra biên giới	264	264	100,0	Phòng Kinh tế & Hạ tầng

STT	NỘI DUNG	Dự toán HĐND huyện giao	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Ước TH 6 tháng so với Dự toán HĐND huyện giao (%)	Ghi chú
-	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	3.100	2.327	75,1	
+	Hỗ trợ cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.	1.550	1.490	96,1	Trung tâm DVNN
+	Kê bảo vệ cánh đồng Tùng Cù xã Mường So	850	837	98,5	Ban QLDA
+	Cải tạo, khai hoang, phục hóa đất chưa sử dụng thành đất chuyên trồng lúa xã Mường So (10ha)	100		-	Ban QLDA
+	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa (Nguồn bổ sung có mục tiêu)	600	-	-	UBND xã Mỏ Sỉ San
-	Kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (Chính sách cấp bù miễn thủy lợi phí)	2.090	-	-	UBND các xã, thị trấn
-	Kinh phí thực hiện sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt và các công trình dân dụng khác, chỉnh trang đô thị, sửa chữa trụ sở cơ quan nhà nước, mua sắm tài sản, trang thiết bị...	17.000	10.512	61,8	
+	Kinh phí mua sắm tài sản tập trung trang thiết bị cho các cơ quan và UBND các xã, thị trấn	5.070	4.657	91,9	
+	Sửa chữa, nâng cấp nhà thư viện huyện Phong Thổ	500	500	100,0	Ban QLDA
+	Nâng cấp, sửa chữa chợ trung tâm xã Sỉ Lở Lầu	2.000	900	45,0	Ban QLDA
+	Sửa chữa, nâng cấp Sân vận động huyện Phong Thổ	1.000	500	50,0	Ban QLDA
+	Sửa chữa trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	3.000	1.400	46,7	Ban QLDA
+	Sửa chữa, nâng cấp nước Sinh hoạt Chàng Phàng xã Sin Suối Hồ	1.400	500	35,7	Ban QLDA
+	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND thị trấn	1.500	750	50,0	UBND Thị Trấn
+	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã Hoàng Thèn	1.100	550	50,0	UBND xã Hoàng Thèn
+	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã Mỏ Sỉ San	910	455	50,0	UBND xã Mỏ Sỉ San
+	Mua sắm bàn ghế phòng họp tầng 2 + tầng 3 trụ sở UBND huyện	300	300	100,0	Văn Phòng HĐND UBND huyện
+	Kinh phí mua giường, bàn làm việc, ghế làm việc cho Ban chỉ huy quân sự	220		-	Ban chỉ huy quân sự
1.3	Kinh phí thực hiện các Đề án, Nghị quyết	19.995	10.151	50,8	
-	Hỗ trợ thực hiện Đề án phát triển vùng chè tập trung chất lượng cao (theo Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019)	13.338	7.201	54,0	
+	Hỗ trợ thực hiện Đề án phát triển vùng chè tập trung chất lượng cao (theo Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019)	12.494	7.201	57,6	Phòng NN&PTNT
+	Hỗ trợ phát triển và bảo tồn chè cổ thụ (theo Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019)	844	-	-	Ban QLDPH
-	Bổ sung kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nông nghiệp theo Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND	3.993	2.950	73,9	
+	Kinh phí hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo QĐ 29/2016/QĐ-UBND	757		-	Phòng NN&PTNT
+	Kinh phí thực hiện các Đề án, Nghị quyết: Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nông nghiệp theo Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND	3.236	2.950	91,2	Trung tâm Dịch vụ NN
-	Hỗ trợ thực hiện Đề án phát triển cây Quế trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2020 (Theo Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019)	1.264		-	Ban QLDPH
-	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-HĐND về xây dựng NTM gắn với du lịch nông thôn tại một số bản trên địa bàn giai đoạn 2020-2025	1.400	-	-	
+	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-HĐND về xây dựng NTM gắn với du lịch nông thôn tại một số bản trên địa bàn giai đoạn 2020-2025	700		-	UBND xã Mường So
+	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-HĐND về xây dựng NTM gắn với du lịch nông thôn tại một số bản trên địa bàn giai đoạn 2020-2025	700		-	UBND xã Sin Suối Hồ
-	Kinh phí thực hiện chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh Lai Châu				
+	Hỗ trợ giống lúa thuần				
+	Hỗ trợ phát triển chè tập trung				



STT	NỘI DUNG	Dự toán HĐND huyện giao	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Ước TH 6 tháng so với Dự toán HĐND huyện giao (%)	Ghi chú
+	Hỗ trợ phát triển chè cổ thụ				
+	Hỗ trợ cây ăn quả tập trung				
+	Hỗ trợ phát triển hoa địa lan				
+	Hỗ trợ phát triển mắc ca				
+	Hỗ trợ chuồng trại chăn nuôi				
+	Hỗ trợ phát triển các sản phẩm OCOP				
+	Hỗ trợ nhà màng				
-	Kinh phí thực hiện chính sách phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh Lai Châu				
+	Hỗ trợ trồng cây Quế				
+	Hỗ trợ trồng rừng phòng hộ				
+	Trồng cây phân tán				
-	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh Lai Châu về quy định chính sách hỗ trợ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu				
-	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 138/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Lai Châu về Đề án phát triển một số cây dược liệu giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.				
-	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 của HĐND huyện Phong Thổ về Thông qua Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa gắn với kinh tế cửa khẩu giai đoạn 2021-2025				
2	Sự nghiệp Giáo dục & Đào tạo	368.863	177.821	48,2	
2.1	Sự nghiệp Giáo dục	360.717	173.848	48,2	
-	Kinh phí thực hiện nâng cấp, sửa chữa, mua sắm tài sản, trang thiết bị trường dự kiến đạt chuẩn quốc gia, duy trì trường chuẩn và đầu tư cơ sở vật chất các trường lớp học thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới...	17.550	7.535	42,9	
2.2	Sự nghiệp đào tạo	8.146	3.973	48,8	
	Trong đó:				
-	Kinh phí đào tạo theo Nghị quyết và chính sách thu hút	1.200	660	55,0	
+	Kinh phí lớp Trung cấp lý luận	600	310	51,7	Trung tâm BDCT
+	Kinh phí đào tạo theo Nghị quyết số 11/2019/HĐND và Thông tư số 36/2018/TT-BTC	600	350	58,3	Phòng Nội Vụ
-	Kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2011-2020 theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND	2.702	669	24,8	
+	Kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2011-2020 theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND	1.319	669	50,7	Trung tâm GDNN&GDTX
+	Kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2011-2020 theo Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND	1.383		-	Phòng LĐTB&XH
3	Sự nghiệp Văn hóa	3.071	1.547	50,4	
4	Sự nghiệp Thể thao	832	258	31,0	
5	Sự nghiệp Truyền thanh - Truyền hình	3.161	1.247	39,4	
6	Đảm bảo xã hội	11.201	7.147	63,8	
-	Kinh phí sửa chữa Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ, nâng cấp, sửa chữa nghĩa trang liệt sỹ	800		-	
7	Quản lý hành chính	113.337	62.378	55,0	
8	Chi an ninh - Quốc phòng	16.644	8.750	52,6	
9	Chi khác ngân sách	3.795	2.400	63,2	



STT	NỘI DUNG	Dự toán HDDND huyện giao	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Ước TH 6 tháng so với Dự toán HDDND huyện giao (%)	Ghi chú
10	Chênh lệch dự kiến tăng thu giữa dự toán tính giao với dự toán Địa phương giao chưa bố trí nhiệm vụ chi (Huyện giao thu cao hơn ngân sách huyện hưởng so với dự toán tính giao và thực hiện theo văn bản điều hành của Bộ Tài chính)	366	-	-	
III	Dự phòng ngân sách	7.037	1.826	25,9	
B	<u>CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU</u>	2.846	1.478,0	51,9	NS tính bổ sung ngoài dự toán đầu năm
1	Kinh phí thực hiện chi trả chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội năm 2021	2.508	1.140,0	45,5	Phòng LĐTB&XH
2	Kinh phí thực hiện hỗ trợ vắc xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm năm 2021	338	338,0	100,0	Trung tâm DVNN
C	CHI TỪ NGUỒN KINH PHÍ CHUYỂN NGUỒN NĂM 2020 CHUYỂN SANG	115.030	56.342,0	48,98	
D	CHI TỪ NGUỒN KẾT DƯ	6.696			